

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/7/2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **1038/2026/TLST-HNGĐ** ngày 16/07/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

*** Người yêu cầu:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984;

Căn cước công dân số: 0xxxx402xxxx do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2024

Nơi thường trú và cư trú: Số B ngõ C ngách F hẻm A đường X, Tổ dân phố số F, phường X, thành phố Hà Nội.

*** Người yêu cầu:** Anh **Trần Ngọc B**, sinh năm 1984

Căn cước số: 0xxxx401xxxx do Bộ C cấp ngày 10/10/2024

Nơi thường trú và cư trú: Tổ dân phố số G, phường X, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/07/2026, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B có 01 con chung là Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 23/3/2021. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Trần Ngọc Minh K cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Ngọc B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

[3] Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Các đương sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ khi lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Trần Ngọc B**

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B có 01 (Một) con chung là:

- Cháu **Trần Ngọc Minh K**, sinh ngày: **23/3/2021**

Giao cháu Trần Ngọc Minh K cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Ngọc B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn hoặc khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2. Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

Các bên tự lo nơi ở sau ly hôn.

3. Về lệ phí:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B tự nguyện chịu cả lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số xxxxxxxx ngày 16/07/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Nay chuyển thành lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND phường Xuân Phương, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Quỳnh C